

Bản Chi tiết sản phẩm
 Ngày phát hành 07/12/2011
 Mã số no. 9.5.005
 Hiệu đính lần 00
 Sarnafil® G 410-15L

Sarnafil® G 410-15L

Màng Polyme Chống Thấm cho Sàn Mái

Mô tả	Sarnafil® G 410-15L (chiều dày 1.5 mm) là màng chống thấm tổng hợp cho sàn mái, có nhiều lớp dựa trên nền nhựa polyvinyl chloride (PVC) chất lượng cao có lớp sợi thủy tinh không đan kết nhau.
Các ứng dụng	Màng chống thấm cho : <ul style="list-style-type: none"> ■ Chi tiết cho hệ thống sàn mái với : <ul style="list-style-type: none"> - Sarnafil® S 327 kiểu L-types - Sarnafil® G 410 kiểu L felt-type - Sarnafil® G 476-types ■ Màng chống thấm cho khu vực giao nhau của sàn mái : Chống thấm sàn mái cho nơi giao nhau và bờ chắn .. như chỗ giao nhau của lan can và tường, chiếu sáng mái, ... trong quá trình lắp đặt các hệ thống chống thấm sàn mái Sarnafil như: <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống dùng vít định vị - Hệ thống dùng chất kết dính - Hệ thống mái ballasted hoặc mái sân vườn

Thông tin về sản phẩm

Kiểm tra bằng mắt	Đạt	EN 1850-2
Chiều dài	20 (-0 / +5 %) m	EN 1848-2
Chiều rộng	2 (-0.5 / +1 %) m	EN 1848-2
Thẳng đứng	≤ 30 mm	EN 1848-2
Mặt phẳng	≤ 10mm	EN 1848-2
Chiều dày	1.5 (-5 / +10 %) mm	EN 1849-2
Khối lượng trên đơn vị diện tích	1.84 (-5 / + 10 %) kg/m ²	EN 1849-2
Khả năng chịu áp lực thấm nước	Đạt	EN 1928
Anh hưởng hóa chất dạng lỏng bao gồm nước	Theo yêu cầu	EN 1847
Phản ứng với ngọn lửa	E	EN ISO 11925-2, phân nhóm sau EN 13501-1
Kháng các tác động gió		EN 13583
Mặt nền cứng	≥ 20 m/s	
Mặt nền đàn hồi	≥ 28 m/s	
Khả năng kháng tách ở mối hàn	≥ 300 N/50 mm	EN 12316-2
Khả năng kháng lực cắt ở mối hàn	≥ 500 N/50 mm	EN 12317-2
Hệ số chuyển qua pha hơi nước	μ = 15'000	EN 1931



Chịu lực kéo căng		EN 12311-2
Theo chiều dọc (md)*	≥ 700 N/50 mm	
Theo chiều ngang (cmd)*	≥ 700 N/50 mm	
Độ giãn dài		EN 12311-2
Theo chiều dọc (md)*	≥ 65 %	
Theo chiều ngang (cmd)*	≥ 65 %	
Kháng đối với các va chạm		EN 12691
Mặt nền cứng	≥ 700 mm	
Mặt nền mềm	≥ 1500 mm	
Độ ổn định kích thước		EN 1107-2
Theo chiều dọc (md)*	≤ 10.21 %	
Theo chiều ngang (cmd)*	≤ 10.11 %	
Khả năng chịu gấp lại ở nhiệt độ thấp	≤ - 25°C	EN 495-5
Kháng UV	Đạt (> 5000 h)	EN 1297
	*md : theo hướng máy	
	*cmd : theo hướng cắt ngang máy	

Miễn trừ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.



Sika Limited (Vietnam)
 Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
 Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
 Tel: (84-61) 3560 700 Fax: (84-61) 3560 699
 www.sika.com.vn, sikavietnam@vn.sika.com

